

CÔNG TY TNHH MINH GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MINH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110165484

3. Ngày thành lập: 28/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 22, Ngõ 149 Phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0358821907

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
7.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế loại A, B	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24.	Trồng lúa	0111
25.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
26.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
27.	Trồng cây mía	0114
28.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
29.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
30.	Trồng cây hàng năm khác	0119
31.	Trồng cây ăn quả	0121
32.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
33.	Trồng cây cao su	0125
34.	Trồng cây cà phê	0126
35.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
36.	Trồng cây lâu năm khác	0129
37.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
38.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
39.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
40.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
41.	Chăn nuôi gia cầm	0146
42.	Chăn nuôi khác	0149
43.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
44.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
45.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
46.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
47.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
48.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
49.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
50.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
51.	Khai thác và thu gom than non	0520
52.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620

53.	Khai thác quặng sắt	0710
54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hoá	8299
56.	Đào tạo trung cấp	8532
57.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (Loại trừ hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, thương bệnh binh)	8710
58.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
59.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc (Loại trừ hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, thương bệnh binh)	8730
60.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
61.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
62.	Hoạt động thể thao khác	9319
63.	Lập trình máy vi tính	6201
64.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
65.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
66.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, tài chính và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	6619
67.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Quản lý bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Tư vấn bất động sản; (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
69.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý (trừ tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, tài chính và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	7020

70.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế kiến trúc cảnh quan - Thiết kế nội thất - Khảo sát xây dựng - Tư vấn, quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn thẩm định thiết kế xây dựng - Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110
71.	Quảng cáo (Loại trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
72.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
73.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)	7490
74.	Hoạt động thú y Chi tiết: - Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của gia súc, vật nuôi - Hoạt động của trợ giúp thú y hoặc những hỗ trợ khác cho bác sĩ thú y	7500
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
77.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
78.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
79.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
81.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
82.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
83.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
84.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
85.	Sản xuất đường	1072
86.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
87.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
88.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
89.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
90.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
91.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
92.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

93.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy, - Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy	1709
94.	Sản xuất than cốc	1910
95.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
96.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
97.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; - Sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế - Sản xuất hóa dược và dược liệu	2100
98.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
99.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
100.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
101.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
102.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
103.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
104.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ sản xuất vàng)	2420
105.	Đúc sắt, thép	2431
106.	Đúc kim loại màu	2432
107.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
108.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
109.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
110.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
111.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
112.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
113.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
114.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4799
115.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

116.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
117.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
118.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
120.	Bốc xếp hàng hóa (không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa, bốc xếp hàng hóa	5229
122.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
123.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
124.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
125.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
126.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
128.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
129.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
130.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
131.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
132.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
133.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
134.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế	3250
135.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
136.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
137.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
138.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
139.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

140.	Sản xuất điện Chi tiết: - Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng nước, - Hoạt động sản xuất điện từ khí thiên nhiên, - Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, - Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng gió	3511
141.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động phân phối điện (loại trừ hoạt động điều độ điện)	3512
142.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
143.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
144.	Thu gom rác thải độc hại (Không bao gồm dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình)	3812
145.	Tái chế phế liệu	3830
146.	Xây dựng nhà để ở	4101
147.	Xây dựng nhà không để ở	4102
148.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
149.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
150.	Xây dựng công trình điện	4221
151.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
152.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
153.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
154.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
155.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
156.	Phá dỡ	4311
157.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
158.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
159.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
160.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
161.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
162.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
163.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
164.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN HOÀI NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031081003430

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P12A11 CT2B, Tràng An Complex, Số 01 Phùng Chí Kiên, Tổ 28, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P12A11 CT2B, Tràng An Complex, Số 01 Phùng Chí Kiên, Tổ 28, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HOÀI NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031081003430

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P12A11 CT2B, Tràng An Complex, Số 01 Phùng Chí Kiên, Tổ 28, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P12A11 CT2B, Tràng An Complex, Số 01 Phùng Chí Kiên, Tổ 28, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội